

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỦ THỪA  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 17/5/2019

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA, TỈNH LONG AN**

**\* Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Đăng Tuyết Hồng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Văn Nhị.

2. Ông Nguyễn Ngọc Châu.

**\* Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Ngày 17 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 67/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18/4/2019 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị H, sinh năm: 1975. Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Ông Bùi Văn C, sinh năm 1975. Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

(Các bên đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/3/2019 và tại bản tự khai nguyên đơn bà Trần Thị H, trình bày: Vào năm 2001 qua thời gian ngắn tìm hiểu yêu thương nhau bà H và Ông Bùi Văn C tự nguyện chung sống với nhau, không tổ chức cưới nhưng có thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Lạc, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An vào sổ số 62/2001 ngày 21/5/2001. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc khoảng 04-05 năm thì xảy ra mâu thuẫn, thường hay cự cãi do tính tình không hòa hợp. Và từ năm 1999 đến nay bà H, Ông C đã sống ly thân không còn quan tâm nhau. Tại Tòa án bà H có đơn yêu cầu được giải quyết ly hôn với Ông Bùi Văn C. Về con chung bà H và Ông C có 01 con chung tên Bùi Tuấn A, sinh ngày 06/7/1996 (đã trưởng thành) hiện đang sống chung với

Ông C. Tài sản chung và nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngày 19/4/2019 bà Trần Thị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt do bà làm công nhân xin nghỉ việc rất khó khăn.

Bị đơn: Ông Bùi Văn C đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H và Tòa án đã giao Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại bản tự khai ghi ngày 21/3/2019 Ông C xin vắng mặt tại các phiên họp, hòa giải và phiên tòa, cam kết không khiếu nại gì về sau với lý do vì bận đi làm, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết công khai Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được nên đưa vụ án ra xét xử.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: bà Trần Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với Ông Bùi Văn C. Đây là tranh chấp ly hôn chịu sự điều chỉnh của Luật Hôn nhân và gia đình nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ thì tranh chấp trên thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Bà Trần Thị H và Ông Bùi Văn C đều có yêu cầu đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Ông C.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của bà H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà H, Ông C tự nguyện chung sống với nhau không tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Lạc, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An vào ngày 21/5/2001, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 62/2001. Xác định quan hệ hôn nhân giữa Ông C và bà H là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu hôn nhân, cuộc sống chung hạnh phúc được khoảng 04-05 năm. Sau này do tính tình không hợp hay cự cãi nhau nên từ năm 1999 đến nay bà H, Ông C đã sống ly thân không còn quan tâm nhau. Ông C đã được Tòa án thông báo về yêu cầu ly hôn của bà H nhưng Ông C có bản tự khai ghi ngày 21/3/2019 Ông C xin vắng mặt tại các phiên họp, hòa giải và phiên tòa, cam kết không khiếu nại gì về sau với lý do vì bận đi làm. Điều đó cho thấy Ông C không muốn hàn gắn mối quan hệ tình cảm với bà H, cho thấy mối quan hệ hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu ly hôn là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận cho ly hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng

bà H và Ông C thống nhất có 01 con chung tên Bùi Tuấn A, sinh ngày 06/7/1996 (đã trưởng thành) hiện đang sống chung với Ông C, không yêu cầu Tòa án giải quyết, cũng như bà H Ông C đều xác định tài sản chung và nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí sơ thẩm: bà H là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị H với Ông Bùi Văn C.

Bà Trần Thị H được ly hôn Ông Bùi Văn C.

2. Về án phí sơ thẩm: bà Trần Thị H phải chịu nộp 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Trần Thị H nộp ngày 18/3/2019 theo biên lai số 0001777 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An sang án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THA-DS huyện Thủ Thừa;
- UBND xã Long Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, V.P.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

**Võ Đăng Tuyết Hồng**